

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 114/2019/DS-ST

Ngày: 19/7/2019

Về việc “*Tranh chấp*”

hợp đồng góp hui”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Thanh Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Kim Chi.
2. Bà Nguyễn Thị Thúy Loan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 353/2018/TLST-DS ngày 14 tháng 12 năm 2018 về “*Tranh chấp hợp đồng góp hui*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2019/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2019/QĐST-DS ngày 02 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Kim Th (L), sinh năm 1975 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:*

2.1. Bà Trần Thị A, sinh năm 1955 (vắng mặt);

2.2. Chị Trần Thị Kim X, sinh năm 1990 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 06 tháng 12 năm 2018 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị Kim Th trình bày:

Chị có tham gia góp hui do bà A và chị X làm chủ, đây hui 2.000.000 đồng/tháng, mở ngày 05/10(âm lịch)/2017, có 16 phần, chị góp 01 phần. Quá trình góp hui chị không lần nào đi khai hui mà sau khi khai hui thì bà A hoặc chị X đến nhà chị gom hui, chị đã góp được 07 kỳ hui sống mỗi kỳ là 1.500.000

đồng, tổng cộng là 10.500.000 đồng thì bà A, chị X tuyên bố vỡ hụi. Ngày 01/9/2018, tại buổi hòa giải ở trụ sở ấp B, xã B giữa bà A, chị X và các hụi viên thì bà A, chị X đã đối chiếu hụi và thống nhất còn nợ chị số tiền hụi là 10.500.000 đồng.

Chị Th yêu cầu Bà A và chị X cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho chị số tiền hụi còn nợ 10.500.000 đồng, trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra không còn yêu cầu gì khác.

* Bị đơn bà Trần Thị A và chị Trần Thị Kim X đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng bà A và chị X không đến Tòa án, cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên không kiến nghị gì về tố tụng.

Về nội dung: Yêu cầu của chị Th là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng góp hụi” được quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Các bị đơn có nơi cư trú tại ấp B, xã B nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bà Trần Thị A và chị Trần Thị Kim X đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt bà Anh, chị X.

[3] Xét yêu cầu của chị Lê Thị Kim Th đòi bà Trần Thị A và chị Trần Thị Kim X trả số tiền hụi còn nợ 10.500.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy rằng: Mặc dù bà A, chị X vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án đúng theo quy định của pháp luật cho bà A, chị X, trong đó có nêu rõ số tiền hụi còn nợ mà chị Th yêu cầu bà A, chị X cùng có nghĩa vụ liên đới phải trả; cùng với tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện là bản sao biên bản hòa giải ngày 01/9/2018 của ấp B, xã B và danh sách thành

viên tham gia góp hội nhưng bà A, chị X không thể hiện ý kiến phản đối với yêu cầu cũng như tài liệu chứng cứ của nguyên đơn. Khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*.

Bên cạnh đó, tại biên bản xác minh ngày 15/5/2019 của Tòa án đối với ông Nguyễn Văn Tám, Trưởng ấp B; ông Võ Thành Vân, Phó trưởng ấp B và ông Nguyễn Văn Hùng, Trưởng ban công tác mặt trận ấp B là những người tiến hành hòa giải tại địa phương theo Biên bản hòa giải ngày 01/9/2018. Kết quả ông Tám, ông Vân và ông Hùng đều xác định tại buổi hòa giải thì có mặt 11 hội viên trong đó có chị Lê Thị Kim Th. Khi đó bà A, chị X đã đối chiếu tiền hội và bà A, chị X thống nhất còn nợ chị Th số tiền 10.500.000đ. Đồng thời bà A, chị X xin cho thời gian 01 tháng để chuyển nhượng đất có tiền trả nợ cho hội viên. Như vậy, việc bà A và chị X còn nợ hội đối với chị Th số tiền 10.500.000 đồng là có thật.

Bà A, chị X là người có đầy đủ năng lực hành vi và năng lực pháp luật, tham gia giao dịch với ý chí tự nguyện nên hợp đồng góp hội giữa bà A, chị X và chị Th là có hiệu lực pháp luật. Do vậy, chị Th có quyền yêu cầu bà A, chị X có nghĩa vụ liên đới trả lại số tiền hội còn nợ để bảo vệ quyền lợi cho mình. Do đó, Hội đồng xét xử buộc bà A, chị X có nghĩa vụ trả tiền theo yêu cầu của chị Th là phù hợp.

[4] Về án phí: Theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định: *“Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận”*. Trong vụ án này, yêu cầu của chị Th được chấp nhận toàn bộ nên bà A, chị X phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 471 của Bộ luật dân sự; các điều 24, 26, 27 và 29 của [Nghị định số 144/2006/NĐ-CP](#) ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hộ, hội, biểu, phường; khoản 3 Điều 228 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Kim Th.

Buộc bà Trần Thị A và chị Trần Thị Kim X cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Lê Thị Kim Th số tiền 10.500.000 đồng.

2. Về án phí:

Bà Trần Thị A và chị Trần Thị Kim X cùng có nghĩa vụ liên đới nộp 525.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Lê Thị Kim Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 39903 ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) và kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Lê Thị Kim Th có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Bà Trần Thị A và chị Trần Thị Kim X vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày được tính kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Tây;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thanh Phú